TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐB** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**
Bản án số: 35/2018/DS-ST Ngày: 24/8/2018 V/v: "Tranh chấp về quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐB, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lường Văn Lương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lường Văn Hịa;

2. Ông Lò Văn Thương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Dần - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện ĐB, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐB, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 24/8/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐB, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2017/TLST - DS ngày 02/11/2017 về "Tranh chấp về quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXXST - DS ngày 20/7/2018; theo quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2018/QĐST-DS ngày 17/8/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Quàng Văn Ph, sinh năm 1986; "có mặt"

Địa chỉ: Đội 14, xã TL, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên.

2. Bị đơn: - Anh Lò Văn Ch, sinh năm 1983; "vắng mặt"

- Lò Thị L, sinh năm 1981; "vắng mặt"

Địa chỉ: Đội 8D, xã TL, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên.

3. Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Chị Lò Thị L, sinh năm 1981"vắng mặt';

Địa chỉ: Đội 8D, xã TL, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên. Là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền lập ngày 07 tháng 02 năm 2018 tại THAHS Công an, huyện ĐB).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/10 /2017 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nhân dân huyện ĐB nguyên đơn là anh Quàng Văn Ph trình bày:

Ngày 22/6/2017 gia đình tôi có 02 trâu (mẹ con) mang đi thả ở khu vực rừng HP, xã TL, huyện ĐB. Sau một thời gian đi tìm trâu để mang về thì không thấy con trâu mẹ đâu, gia đình nhờ anh em trong bản đi tìm, nhưng không thấy.

Đến ngày 11/10/2017 thì thấy con trâu mẹ tự về bãi tha ma của bản, ở gần nhà, tôi dắt trâu về. Đến chiều tối cùng ngày thì có anh Lò Văn Ch ở đội 8D, xã TL đến nhận trâu và bảo là trâu của gia đình anh Ch.

Con trâu cái của tôi là do trâu nhà đẻ ra, hiện tại đã được 12 tuổi có 05 lứa con (kể cả con thứ 5 mới đẻ ngày 30/10/2017), có đặc điểm: Là trâu cái, lông màu đen, có cắt rạch hai tai (do gia đình đánh dấu), hai sừng ngoặt về đằng sau, hai chân to, đuôi dài quá đầu gối đằng sau, mặt con trâu này giống mặt con của nó hiện tại đang ở nhà.

Sau khi xem xét con trâu, anh Ph khẳng định đó là con trâu của gia đình anh đã bị thất lạc khi đi thả ở trong rừng vào tháng 6 năm 2017. Gia đình anh Ph đã báo cho gia đình anh Ch trả trâu cho gia đình anh nhưng gia đình anh Ch không trả.

Sau đó gia đình tôi và gia đình anh Ch cá cược mang trâu đi thả nếu trâu về nhà nào thì là trâu của nhà đó. Nhưng khi mang trâu đi thả anh Ch không mang trâu đi đường mà trước đó tôi đã mang lên rừng thả mà anh Ch mang trâu đến gần nhà anh Ch thả, nên trâu đã về nhà anh Ch, vì trước đó anh Ch đã bắt về nuôi một thời gian, tôi không đồng ý vì không khách quan khi thả trâu như thế.

Đến ngày 13/10/2017 anh Ph có viết đơn đề nghị Công an xã TL, huyện ĐB giải quyết.

Ngày 23/10/2017 Ủy ban nhân dân xã TL đã hòa giải nhưng không thành nên đã tạm giao con trâu đang tranh chấp cho gia đình anh Ch tiếp tục chăm sóc chờ kết quả giải quyết của Tòa án. Do đó, anh Ph khởi kiện ra Tòa án yêu cầu Tòa án giải quyết buộc gia đình anh Ch trả lại con trâu cái có đặc điểm trên cho gia đình anh.

Trong quá trình tố tụng tại Tòa án, anh Ph vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án căn cứ vào Kết luận giám định ADN, buộc gia đình anh Ch phải trả lại con trâu cái đang tranh chấp cho gia đình anh.

Tại bản tự khai ngày 08/12/2017 bị đơn anh Lò Văn Ch và chị Lò Thị L đều trình bày:

Gia đình tôi có 02 con trâu màu lông đen, con trâu mẹ gia đình tôi mua năm 2008 tại (ba toa) ở chợ bản Phủ, lúc đó con trâu khoảng 4 - 5 tuổi, đến nay đã được 09 năm và đẻ được 04 con, hiện tại vẫn còn 01 con trâu con 02 tuổi. Con trâu mẹ được đánh dấu cắt tai trái, tai phải có vết sước như cắt, trán trâu có hai khuấy tròn bé chạy song song ngang mắt, cặp sừng dài khoảng 40-50cm. Gia đình tôi khẳng định con trâu anh Ph dắt về là trâu nhà tôi và đồng ý giải quyết nhờ chính quyền hai đội đem trâu đi thả ở khu vực trung tâm nếu trâu về ai thì là trâu nhà đó, sau khi thả trâu đã về nhà tôi.

Nhưng sau đó gia đình anh Ph lại không đồng ý, gia đình anh Ph vu khống cho vợ chồng tôi tự đi dắt trâu họ về là sai sự thật, mong quý Tòa xem xét cho gia đình tôi.

Tòa án đã tiến hành hòa giải vụ án nhưng không thành. Trong phiên hòa giải, nguyên đơn yêu cầu trưng cầu giám định ADN xác định huyết thống đối với tài sản đang tranh chấp.

Theo yêu cầu của nguyên đơn ngày 08/01/2018 TAND huyện ĐB đã ra Quyết định trưng cầu giám định gửi Phòng thí nghiệm Trọng điểm Tế bào Động vật - Viện Chăn Nuôi.

Tại bản kết luận giám định số: 05/PTNTĐ-KHCN ngày 25/12/2017 của Phòng thí nghiệm Trọng điểm Tế bào Động vật - Viện Chăn Nuôi đã kết luận: Trong 03 mẫu trâu, **mẫu trâu có ký hiệu 01TL-ĐB và mẫu trâu có ký hiệu 02TL-ĐB có quan hệ huyết thống mẹ - con**; mẫu trâu 01 TL-ĐB và mẫu trâu 03 TL-ĐB không có mối quan hệ huyết thống mẹ - con; mẫu trâu 02 TL-ĐB và mẫu trâu 03 TL-ĐB không có mối quan hệ huyết thống mẹ - con.

Trong đó:

- Mẫu có ký hiệu 01TL-ĐB (là con trâu mẹ đang tranh chấp);
- Mẫu có ký hiệu 02TL-ĐB (là con trâu đực 04 tuổi nhà Quàng Văn Ph);
- Mẫu có ký hiệu 03TL-ĐB (là con trâu đực 02 tuổi của anh Lò Văn Ch).

Như vậy, kết luận giám định đã khẳng định con trâu đang tranh chấp và con trâu của anh Quàng Văn Ph có mối quan hệ huyết thống là mẹ - con.

Tại yêu cầu phản tố ngày 20/3/2018 và trong quá trình tố tụng người đại diện hợp pháp của bị đơn chị Lò Thị L trình bày:

Tôi yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải nữa, tôi đồng ý trả trâu cho anh Ph và yêu cầu anh Ph trả công chăn dắt trâu là 40.000đ/ngày, tính từ ngày 14/10/2017 đến ngày 08/02/2018 là 118 ngày, thành tiền là 118 x 40.000đ = 4.720.000đ (bốn triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng); tiền mua rơm cho trâu ăn là 4.100.000đ(mua của ông V 1.700.000đ, của ông X 2.400.000đ); tiền mua thuốc cho trâu là 246.000đ. Tổng cộng các khoản là 9.066.000đ (chín triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

Ý kiến của anh Ph đối với yêu cầu phản tố của bị đơn: Tôi cũng nhất trí trả tiền công chăn dắt con trâu cho gia đình anh Ch. Tuy nhiên, số tiền bị đơn yêu cầu là cao nên tôi chỉ trả số tiền công chăn dắt là 25.000 đồng/ngày tính từ ngày bị đơn nhận con trâu do UBND xã TL tạm giao (từ ngày 23/10/2017 đến ngày 08/02/2018 là ngày tôi nhận trâu, theo biên bản giao nhận). Ngoài ra, tôi không chấp nhận khoản tiền nào khác, vì tiền mua rơm cho trâu ăn, tiền mua thuốc cũng nằm trong tiền công chăn dắt, từ trước đến nay không ai mua rơm phải làm giấy mua bán, đây là do bị đơn tự làm giấy và không có cơ sở. Con trâu khi được trả cho tôi thì thể trạng gầy yếu, đang bị què chân, đuôi thì bị chém đến bây giờ thì đã bị cụt hẳn đuôi. Hơn thế nữa, gia đình bị đơn khi trả trâu có thái độ không lành mạnh, không tôn trọng pháp luật, có lời lẽ chửi bới, lăng mạ không thể chấp nhận được. Gia đình tôi đề nghị Tòa án xem xét và có biện pháp xử lý đối với bị đơn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐB phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án và

của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 161 Điều 166; Điều 231; Điều 583 Bộ luật dân sự năm 2015. Căn cứ Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự. Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu đòi lại trâu của anh Quàng Văn Ph và thực tế hai bên đương sự đã tự thỏa thuận và giao trâu cho nguyên đơn vào ngày 08/02/2018.

Về yêu cầu phản tố của bị đơn: Tòa án đã triệu tập hợp bị đơn hai lần vẫn vắng mặt, nên Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 227/BLTTDS Quyết định đình chỉ đối với yêu cầu phản tố. Bị đơn có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu phản tố đó theo quy định của pháp luật.

Về chi phí giám định, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147; các Điều 158; 159; 161; 162/BLTTDS; Căn cứ điều 26; khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Đề nghị HĐXX buộc anh Lò Văn Ch và chị Lò Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí DSST và sung vào công quỹ nhà nước số tiền mà đương sự (Lò Thị L) đã nộp tạm ứng án phí đối với yêu cầu phản tố tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐB theo biên lai số: 0002769 ngày 27/3/2018 là 453.300 đồng theo khoản 2 Điều 218/BLTTDS. Buộc anh Ch và chị Lả phải chịu toàn bộ chi phí giám định và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Quàng Văn Ph yêu cầu Tòa án buộc gia đình anh Lò Văn Ch và chị Lò Thị L trả lại 01 con trâu cái 12 tuổi vì anh Ph cho rằng con trâu thuộc quyền sở hữu của anh. Do đó, đây là tranh chấp về quyền sở hữu. Bị đơn cư trú tại xã TL, huyện ĐB nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ĐB, tỉnh Điện Biên.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án, ngày 20/3/2018 bị đơn yêu cầu Tòa án buộc anh Ph trả tiền công chăn dắt cho bị đơn số tiền là 40.000đ/ngày và tiền mua rơm, mua thuốc cho trâu với tổng số tiền là 9.066.000đ. Đây là yêu cầu phản tố của bị đơn, có liên quan đến yêu cầu khởi kiện đòi lại tài sản của nguyên đơn cần giải quyết trong vụ án đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án đã thụ lý yêu cầu này của bị đơn.

[3] Về nội dung: Đối với yêu cầu của anh Ph về việc đề nghị Tòa án buộc gia đình anh Ch và chị Lả phải trả lại cho anh 01 con trâu cái 12 tuổi: Lời khai của các đương sự thể hiện gia đình các đương sự đều có một con trâu cái khoảng 12 tuổi và 01 con trâu con, do con trâu cái đang tranh chấp đẻ ra. Do Ph tục thả rông nên con trâu cái

trên đã tách ra khỏi đàn trâu của gia đình các bên không biết, gia đình anh Ph và anh Ch đều phát hiện mất con trâu. Ngày 04/10/2017 gia đình anh Ch thấy trâu về nhà nên đã chăn dắt từ hôm đó. Ngày 11/10/ 2017 anh Ph thấy trâu tự về bãi tha ma của bản gần nhà nên đã dắt trâu về. Sau khi xem xét con trâu, anh Ph khẳng định con trâu này là của gia đình anh đã bị thất lạc. Sau đó, gia đình anh Ch đến nhận trâu và hai bên xảy ra tranh chấp, Ủy ban nhân dân xã TL đã hòa giải nhưng không thành nên đã tạm giao con trâu đang tranh chấp cho gia đình anh Ch tiếp tục chăm sóc chờ kết quả giải quyết của Tòa án (từ ngày 23/10/2017). Như vậy, có căn cứ để xác định việc gia đình anh Ph và anh Ch có con trâu cái khoảng 12 tuổi bị mất là sự thật. Việc gia đình anh Ch đi tìm và thấy con trâu tự về nhà và tiếp tục chăn dắt là ngay tình vì cho rằng đó là con trâu của gia đình bị thất lạc. Tuy nhiên, theo kết luận giám định ADN số: 05/PTNTĐ-KHCN ngày 25/12/2017 của Phòng thí nghiệm Trọng điểm Tế bào Động vật - Viện Chăn Nuôi đã thể hiện con trâu mà gia đình anh Ch bắt về không cùng huyết thống với con trâu con trong đàn trâu của gia đình anh Ch, mà con trâu đang tranh chấp có cùng huyết thống với con trâu con trong đàn trâu của gia đình anh Ph. Ngày 08/02/2018 gia đình bị đơn nhất trí trả trâu cho anh Ph về chăn dắt.

[4]. Xét yêu cầu phản tố đòi tiền công chăn dắt trâu của bị đơn: Hội đồng xét xử xét thấy thực tế trong thời gian xảy ra tranh chấp chưa xác định được chính xác ai là chủ sở hữu con trâu. Gia đình anh Ch được tạm giao để chăn dắt, chăm sóc con trâu tránh để xảy ra thiệt hại về tài sản là cần thiết; quá trình chăm sóc trâu phải mất công chăn dắt và chăm sóc trâu. Do đó, việc bị đơn yêu cầu đòi tiền công chăn dắt là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 231; Điều 583 của Bộ luật Dân sự 2015. Nhưng sau khi có yêu cầu phản tố (người đại diện của bị đơn) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt và căn cứ vào ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa là: "**Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 227/BLTTDS Quyết định đình chỉ đối với yêu cầu phản tố. Số tiền tạm ứng án phí đã nộp sẽ sung ngân sách nhà nước theo khoản 2 Điều 218/BLTTDS. Bị đơn có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu phản tố đó theo quy định của pháp luật".** Cho nên, Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu phản tố của bị đơn, Tòa án sẽ tiếp tục giải quyết khi bị đơn có đơn khởi kiện lại. Sung quỹ nhà nước số tiền tạm ứng án phí bị đơn đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐB.

[5] Về chi phí giám định, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đối với con trâu tranh chấp: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giám định ADN xem xét thẩm định tại chỗ đối với con trâu đang tranh chấp. Tòa án đã tiến hành các thủ tục theo quy định của pháp luật, tổ chức lấy mẫu giám định và gửi mẫu yêu cầu Viện chăn nuôi giám định theo quy định của pháp luật. Chi phí lấy mẫu giám định và chi phí giám định hết 6.980.000đ, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ hết 1.000.000đ.

Anh Ph đã nộp tạm ứng chi phí giám định là 6.980.000 đồng; tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.000.000 đồng. Nay kết quả giám định xác định yêu cầu của anh Ph là có căn cứ cho nên gia đình anh Ch, chị Lả sẽ phải chịu toàn bộ chi phí giám định là 6.980.000đ và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.000.000 đồng. Anh Ph đã nộp đủ số tiền chi phí giám định và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, nên anh

Ch và chị Lả phải trả lại cho anh Ph toàn bộ số tiền chi phí giám định và xem xét thẩm định tại chỗ mà anh Ph đã tạm ứng trước là 6.980.000đ +1.000.000đ= **7.980.000 đồng.** (Bảy triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng). Căn cứ khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; khoản 1 Điều 159; khoản 1 Điều 160; khoản 1 Điều 161; khoản 1 Điều 162 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015.

Trả lại cho anh Ph số tiền còn thừa mà anh Ph đã tạm ứng chi phí giám định và chi phí thẩm định tại chỗ là (10.000.000đ - 7.980.000đ = 2.020.000đ).

[6]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 2, khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Anh Lò Văn Ch và chị Lả phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; anh Ph không phải chịu chịu án phí DSST.

[7]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người đại diện của bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 161 Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; khoản 1 Điều 159; khoản 1 Điều 160; khoản 1 Điều 161; khoản 1 Điều 162 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 2, khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn Quàng Văn Ph. Buộc gia đình anh Lò Văn Ch và chị Lò Thị L trả cho anh Quàng Văn Ph 01 con trâu cái 12 tuổi màu đen (hai bên đã bàn giao để chăm sóc theo biên bản bàn giao ngày 08/02/2018).

2. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 227/BLTTDS Quyết định đình chỉ đối với yêu cầu phản tố đòi tiền công chăn dắt trâu của anh Lò Văn Ch và của chị Lò Thị L. Bị đơn có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu phản tố đó theo quy định của pháp luật.

3. Về chi phí giám định và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Gia đình anh Lò Văn Ch và chị Lò Thị L phải trả lại cho anh Ph là **7.980.000 đồng** (bảy triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, anh Quàng Văn Ph có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng anh Lò Văn Ch và chị

Lò Thị L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

4. Về án phí:

- Anh Lò Văn Ch và chị Lò Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí DSST. - Căn cứ khoản 2 Điều 218/BLTTDS sung quỹ nhà nước số tiền 453.300 đồng tạm ứng án phí đối với yêu cầu phản tố mà đương sự (Lò Thị L) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐB theo biên lai số: 0002769 ngày 27/3/2018.

- Anh Quàng Văn Ph không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, anh Ph được trả lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng tại thi hành dân sự huyện ĐB theo biên lai thu tiền số AA/2016/0002679 ngày 30/10/2017.

5. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người đại diện của bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự báo cho người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự biết: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND Tỉnh*
- *VKSND H.ĐB*
- *Chi cục THSDS H.ĐB;*
- *Các Đương sự;*
- *Người đại diện HP của BĐ*
- *Lưu HS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lường Văn Lương

Lường Văn Hịa Lường Văn Lương Lò Văn Thương

Nơi nhận:
- *TAND Tỉnh*
- *VKSND H.ĐB*
- *Chi cục THSDS H.ĐB;*
- *Các Đương sự;*
- *Người đại diện HP của BĐ*
- *Lưu HS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lường Văn Lương

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐB** **TỈNH ĐIỆN BIÊN** _____	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc** _____

Bản án số: /2016/HNGĐ- ST
Ngày: 20/4/2016
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐB – TỈNH ĐIỆN BIÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lường Văn Lương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lù Văn Đúc

2. Bà Nguyễn Thị Tâm

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Vũ Đình Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐB, tỉnh Điện Biên .

Ngày 20/4/2016, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐB, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2015/TLST – HNGĐ ngày 04/12/2015 về tranh

chấp ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2016/QĐXX - ST ngày 04/4/2016 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lường Thị Hưng – Sinh năm 1993.

Địa chỉ: Bản Bua, xã Mường Phăng, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên.

2. Bị đơn: Anh Quàng Văn Biên – Sinh năm 1991.

Địa chỉ: Bản Bua, xã Mường Phăng, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên.

NHẬN THẤY:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 04/12/2015 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nhân dân huyện ĐB, chị Lường Thị Hưng (nguyên đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Tôi và anh Biên lấy nhau từ năm 2009; Có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mường Phăng, huyện ĐB từ năm 2011; Trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh một số mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Hai vợ chồng sống ly thân từ năm 2014, hiện nay tôi về sống bên bà ngoại, tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy tôi làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Biên.

2. Về con chung: Chị Hưng khai vợ chồng có 01 con chung: Quàng Nhật Duy, sinh ngày 21/7/2010.

Chị Hưng xin được nuôi con chung, không yêu cầu anh Biên cấp dưỡng nuôi con chung.

3.Về tài sản:

Tài sản riêng, tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản tự khai ngày 25/12/2015 và trong quá trình giải quyết vụ án anh Quàng Văn Biên (bị đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Tôi và cô Hưng lấy nhau từ năm 2009; Có đăng ký kết hôn từ năm 2011, chúng tôi lấy nhau hoàn toàn tự nguyện không ai bị ép buộc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, có một số mâu thuẫn trong cuộc sống, nguyên nhân cô Hưng xin ly hôn là do tôi bị tàn tật, không làm được gì, cô Hưng đã tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ ở. Nay cô Hưng xin ly hôn, tôi không đồng ý ly hôn.

2. Về con chung: Anh Hưng công nhận vợ chồng có 01 con chung: Quàng Nhật Duy, sinh ngày 21/7/2010, sau khi ly hôn tôi có nguyện vọng được nuôi con chung.

3. *Về tài sản:* Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương, tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về hôn nhân: Chị Lường Thị Hưng và anh Quàng Văn Biên lấy nhau có đăng ký kết hôn. Do vậy hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Quá trình chung sống do hai bên bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến va chạm, mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau. Hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân gần hai năm nay, vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, mặc dù đã được bà con họ hàng thân thích nhắc nhở, khuyên giải nhưng không có kết quả. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân

giữa chị Hưng và anh Biên đang trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị Hưng xác định tình cảm của mình đối với anh Biên không còn nữa, hai người không còn thể hiện sự quan tâm đến nhau. Tại phiên toà, chị Hưng vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Toà án giải quyết cho chị đ- ợc ly hôn với anh Biên. Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của ng- ời phụ nữ và để giải phóng cho chị Hưng khỏi tình trạng hiện tại khi mà hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, không thể đảm bảo cuộc sống cho chị Hưng và con nên chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Hưng và áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 xử cho ly hôn giữa chị Lường Thị Hưng và anh Quàng Văn Biên.

2. Về con chung: Có 01 con chung, chị Hưng đề nghị được nuôi con, anh Biên cũng có nguyện vọng được nuôi con. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt của con chưa thành niên. Xét thấy anh Biên hiện nay đang bị tàn tật, không có khả năng lao động, không thể có điều kiện nuôi dưỡng con được. Để đảm bảo quyền lợi và đảm bảo sự phát triển mọi mặt của trẻ em. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật HN&GĐ nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Lường Thị Hưng, giao cháu Quàng Nhật Duy cho chị Hưng trực tiếp chăm sóc, giáo dục.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Hưng hiện tại không yêu cầu anh Biên phải cấp dưỡng nuôi con, nên Tòa án không xem xét đóng góp phí tổn nuôi con chung đối với anh Biên.

4. Về tài sản: Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương, tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

5.Về án phí: Căn cứ Điều 131/BLTTDS; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án và danh mục mức án, lệ phí Toà án ban hành kèm theo. Chị Hưng phải chịu 200.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Chị Hưng đã nộp đủ 200.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐB.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

1- Tuyên xử: Cho chị Lường Thị Hưng được ly hôn với anh Quàng Văn Biên.

2 - Về con chung: Giao cháu Quàng Nhật Duy, sinh ngày 21/7/2010 cho chị Lường Thị Hưng trực tiếp chăm sóc, nuôi d- ỡng. Anh Quàng Văn Biên không phải cấp d- ỡng nuôi con chung.

Ng- ời không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai đ- ợc cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3- Về Tài sản: Chấp nhận việc không yêu cầu Tòa án chia tài sản của nguyên đơn và bị đơn.

4- Về án phí: Áp dụng Điều 131/BLTTDS; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án. Lường Thị Hưng phải chịu 200.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào 200.000đ tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai số 09050 ngày 04/12/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐB. Chị Hưng đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSND H.Đ.B;
- Chi cục THSDS H.ĐB;
- Các đ- ơng sự;
- UBND xã Mường Phăng;
--L- u

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lường Văn Lương